

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: ĐỒNG PHOI BÀO (COPPER TURNINGS/CHIPS)

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Đồng kim loại (Copper, dạng phoi bào)
- Mã CAS:** 7440-50-8
- Tên khác:** Mạt đồng, vụn đồng, đồng vụn
- Sử dụng đã định:** Sử dụng trong phòng thí nghiệm, sản xuất hợp kim, điện cực, tái chế kim loại
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
Mã số thuế: 0314051291
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại khẩn cấp:** 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MÔI NGUY HẠI

Phân loại theo GHS:

- Không phân loại là nguy hiểm trong dạng kim loại nguyên khối.
- Tuy nhiên, khi gia công (mài, cắt, nghiền) có thể sinh bụi kim loại nguy hại.

Cảnh báo: KHÔNG CÓ trong điều kiện bình thường.

Câu cảnh báo nguy hại:

- HAZARD:** Bụi đồng có thể gây kích ứng hô hấp và mắt nếu tiếp xúc lâu dài.

Câu phòng ngừa:

- P261: Tránh hít phải bụi.
- P280: Mang đồ bảo hộ khi xử lý.
- P501: Xử lý chất thải theo quy định địa phương

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Tên thành phần:** Đồng kim loại (Copper)
- Mã CAS:** 7440-50-8
- Tỷ lệ:** >96%
- Phân loại:** H400

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Dạng phoi thường không sinh bụi mịn đáng kể, nếu có bụi, đưa người đến nơi thoáng khí
- Tiếp xúc da:** Rửa sạch bằng nước và xà phòng nếu da bị kích ứng cơ học
- Tiếp xúc mắt:** Nếu dính vụn, rửa bằng nước sạch và tìm hỗ trợ y tế nếu cần
- Nuốt phải:** Gần như không xảy ra, nhưng nên tham khảo ý kiến bác sĩ nếu nghi ngờ

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Không dễ cháy, nhưng có thể tạo bụi kim loại dễ cháy khi gia công**
- Phương tiện chữa cháy:** Bột khô, cát (không dùng nước lên bụi kim loại)
- Khí độc sinh ra khi cháy:** Có thể tạo khói oxit đồng nếu cháy

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân:** Tránh hít bụi nếu có; đeo găng tay khi xử lý phoi
- Biện pháp môi trường:** Tránh để vụn đồng rơi vào sông, hồ
- Phương pháp làm sạch:** Quét hoặc hút sạch bằng dụng cụ chuyên dụng

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng an toàn:** Tránh tạo bụi, không dùng gần nguồn lửa nếu đồng dạng rất mịn
- Bảo quản:** Kho khô ráo, tránh nơi ẩm ướt gây oxy hóa, không bảo quản chung với axit mạnh hoặc chất oxy hóa

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Giới hạn tiếp xúc (ACGIH):** 1 mg/m³ (dạng hô hấp)
- **Bảo hộ cá nhân:**
 - Hô hấp: Mặt nạ bụi nếu tạo bụi mịn
 - Tay: Găng tay bảo hộ
 - Mắt: Kính an toàn khi gia công
 - Da: Quần áo dài tay

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Rắn, dạng phoi/vụn
- **Màu sắc:** Đỏ ánh kim hoặc xám khi oxy hóa
- **Mùi:** Không mùi
- **Nhiệt độ nóng chảy:** 1085°C
- **Nhiệt độ sôi:** 2562°C
- **Độ tan:** Không tan trong nước

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định ở điều kiện bình thường**
- **Tránh tiếp xúc với:** Axit mạnh, chất oxy hóa mạnh
- **Phản ứng nguy hiểm:** Có thể phản ứng với axit tạo khí H₂ và muối đồng

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **Đồng kim loại ít độc tính qua tiếp xúc thông thường**
- **Oxit đồng sinh ra có thể gây độc khi hít với liều cao**
- **Tiếp xúc lâu dài với bụi đồng có thể gây bệnh phổi mãn tính**

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính với sinh vật thủy sinh:** Cao – ảnh hưởng đến cá và sinh vật đáy
- **Khả năng tích lũy:** Có thể tích lũy sinh học
- **Ảnh hưởng lâu dài:** Nguy hiểm cho hệ sinh thái nước

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Không thải vào cống hoặc sông hồ**
- **Có thể tái chế phế liệu kim loại**
- **Chất thải còn lại xử lý theo quy định chất thải rắn nguy hại nếu lẫn tạp chất**

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **Không phân loại là hàng nguy hiểm theo ADR/IMDG/IATA**
- **Lưu ý:** Nếu vận chuyển số lượng lớn dạng bụi mịn, có thể áp dụng quy định bổ sung về kim loại dễ cháy

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- **Tuân thủ:** Thông tư 04/2012/TT-BCT và GHS
- **Không nằm trong danh mục hóa chất cấm hoặc hạn chế sử dụng tại Việt Nam**

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày biên soạn:** 04/07/2025
- **Nguồn tham khảo:** TCVN 8402:2010, REACH, ACGIH, GHS
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát

- Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế